

Ý kiến đóng góp của các Tổ chức Phi chính phủ Quốc tế (INGOs)

I. GIỚI THIỆU

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006-2010 đóng vai trò then chốt trong việc hoạch định các nỗ lực phát triển toàn diện của Việt Nam trong vòng 5 năm tới.

Các tổ chức phi chính phủ quốc tế (INGOs) rất hoan nghênh cam kết của Chính phủ Việt Nam trong việc áp dụng phương pháp có sự tham gia và phân cấp trong quá trình xây dựng văn kiện kế hoạch, và đã thu hút sự tham gia ý kiến rộng rãi hơn của các bên liên quan. Đáp lại sáng kiến này, nhóm các INGOs đã thảo luận một cách tích cực về nội dung của bản kế hoạch dự thảo, đồng thời thảo luận với các đối tác Việt Nam, và với các cộng đồng dân cư địa phương nhằm cung cấp thông tin cho việc xây dựng một kế hoạch tổng thể và có tính chiến lược.

Trung tâm thông tin tư liệu các tổ chức phi chính phủ (VUFO-NGO)¹ gần đây đã tổ chức một cuộc họp tham vấn với hơn 60 đại diện của các tổ chức INGOs tại Hà Nội để thảo luận và góp ý vào bản dự thảo được công bố mới nhất của kế hoạch 5 năm. Tài liệu này tóm tắt kết quả của cuộc họp tham vấn và các góp ý bằng văn bản khác của các tổ chức INGOs.

Chúng tôi trình bày các ý kiến đóng góp này dựa trên tinh thần hữu nghị, quan hệ đối tác lâu dài nhằm mục tiêu chung là hỗ trợ nhân dân Việt Nam.

II. NHẬN XÉT CHUNG

1. Bản kế hoạch được chuẩn bị kỹ càng, chứa đựng rất nhiều thông tin, phân tích và số liệu minh chứng. Phần thứ nhất đánh giá toàn diện những thành tựu và yếu kém về phát triển kinh tế xã hội của đất nước trong 5 năm qua. Phần thứ hai đề ra những mục tiêu và chỉ tiêu rõ ràng cho giai đoạn 5 năm tới (2006-2010). Các mục tiêu, nhiệm vụ chính và giải pháp, chính sách cho các ngành và vùng lãnh thổ được soạn thảo hợp lý. Chúng tôi đánh giá cao một số thay đổi chính trong bản kế hoạch cho giai đoạn tới:

- Cam kết mạnh mẽ **phát triển bền vững và đem lại lợi ích cho mọi người**, thể hiện ở việc nhấn mạnh các mục tiêu và giải pháp phát triển xã hội và bảo vệ tài nguyên môi trường đi liền với tăng trưởng cao về kinh tế.
- Tập trung hơn vào **chất lượng phát triển**, đưa các chỉ tiêu dựa vào kết quả của các mục tiêu Thiên niên kỷ của Việt Nam (VDGs) đến 2010 vào trong bản kế hoạch.
- Dành **tỷ lệ đầu tư cao hơn cho các lĩnh vực xã hội** so với giai đoạn trước.

2. Những góp ý chung nhằm hoàn thiện bản kế hoạch dự thảo như sau:

- Trước khi đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch 5 năm 2001-2005, nên có một phần riêng trình bày bối cảnh thực hiện kế hoạch gồm đánh giá tình hình chung và **môi trường chính sách**. Trong đánh giá thực hiện nên có phần đánh giá ngắn gọn về những **thành tựu và hạn chế trong việc cải thiện cuộc sống nhân dân** để thấy rõ hơn phát triển kinh tế xã hội đã cải thiện đời sống xã hội nói chung và cải thiện cuộc sống của người dân như thế nào (có thể trích từ báo cáo thực hiện các mục tiêu Thiên niên kỷ). Vai trò của các tổ chức xã hội (đoàn thể, hiệp hội, tổ chức phi chính phủ) nên được nhắc đến.

¹ Trung tâm dữ liệu các tổ chức phi chính phủ (VUFO-NGO Resource Centre) là một trung tâm chia sẻ thông tin đặt tại Hà Nội, do các tổ chức phi chính phủ quốc tế (INGOs) thành lập thông qua quan hệ đối tác với Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam (VUFO). Danh sách các tổ chức INGOs đóng góp vào bản góp ý này nêu tại Phụ lục 1.

- **Nên có sự gắn kết chặt chẽ và logic hơn nữa giữa phần phân tích hạn chế, yếu kém và mục tiêu, giải pháp đề ra.** Trong Phần thứ nhất nên phân tích những thành tựu đi liền với những hạn chế trong từng ngành/lĩnh vực, có sự gắn kết rõ ràng với các mục tiêu và giải pháp trong Phần thứ hai. Trong 1 số ngành/lĩnh vực phần đánh giá thực hiện 5 năm qua còn quá tổng quát, chưa đi sâu lý giải các nguyên nhân gốc rễ của những thành tựu và hạn chế. Đối với những hạn chế đã xác định, ví dụ về cải cách hành chính, chất lượng dịch vụ xã hội, bình đẳng giới, sản xuất theo hợp đồng tiêu thụ sản phẩm, vệ sinh an toàn thực phẩm..., cần có thêm những giải pháp mạnh hơn để có thể đạt được mục tiêu đề ra. Riêng với 3 mục tiêu tốc độ tăng dân số, tỷ lệ sinh, tỷ lệ lao động qua đào tạo không đạt chỉ tiêu trong giai đoạn trước, cần có thêm những giải pháp khả thi hơn.
- Nên nêu rõ **cơ sở phân bổ ngân sách và nguyên tắc xác định ưu tiên đầu tư** đối với từng lĩnh vực, từng địa phương. Bản kế hoạch sẽ có tính khả thi hơn nếu gắn kết chặt chẽ với Chương trình đầu tư công cộng (PIP), kế hoạch chi ngân sách thường xuyên, Khuôn khổ chi tiêu trung hạn (MTEF) - hoặc ít nhất cũng thể hiện cam kết rõ ràng sử dụng bản kế hoạch này làm căn cứ xây dựng kế hoạch chi tiêu ngân sách và đầu tư, và nên nêu rõ thể chế thực hiện như thế nào.
- **Ngân sách dành cho phát triển nguồn nhân lực nên cân bằng hơn so với đầu tư về cơ sở vật chất**. Trong định hướng đầu tư một số ngành nhất là các ngành xã hội, nên có hướng tập trung đầu tư vào con người (nâng cao năng lực) đảm bảo tương xứng với đầu tư cải thiện kết cấu hạ tầng (xây dựng cơ sở vật chất).
- Các lĩnh vực **Xoá đói giảm nghèo và bảo vệ môi trường nên được mở rộng, và lồng ghép vào các mục tiêu và giải pháp tăng trưởng kinh tế**. Trong văn kiện hiện nay, xoá đói giảm nghèo và bảo vệ môi trường đang được coi là các lĩnh vực riêng biệt. Trong tất cả các ngành, lĩnh vực nên đề cập mạnh hơn nữa các giải pháp và chính sách có lợi cho người nghèo; vì sắp tới đạt được mục tiêu giảm nghèo (và bảo vệ môi trường) cùng nhịp độ với tăng trưởng kinh tế sẽ ngày càng khó khăn hơn.
- Cần nhận thức sâu sắc hơn những thách thức to lớn trong thời gian tới do việc tăng chuẩn nghèo để đề ra những giải pháp khả thi. Sẽ có ích hơn nếu bản kế hoạch nêu rõ việc xây dựng và thực hiện các giải pháp nhằm đảm bảo **hướng đến đúng người nghèo thực sự, điều hành ngân sách minh bạch và hiệu quả, giám sát một cách hệ thống** các chính sách và chương trình có lợi cho người nghèo. Nên có **các mục tiêu giảm nghèo cụ thể cho các nhóm dân cư khác nhau** (nông thôn/thành thị, các nhóm dân tộc) nhằm đối phó với sự chênh lệch về các cơ hội đa dạng hoá, chênh lệch mức sống và rủi ro (tái nghèo) đang ngày càng gia tăng, để từ đó có thể đề ra các giải pháp khả thi, phân bổ ngân sách hợp lý và giám sát kết quả tốt hơn.
- Nên nêu rõ hơn **sự tham gia của người dân** trong việc thiết kế, thực hiện và giám sát các giải pháp và chính sách cụ thể. Tất cả các tác nhân kinh tế và xã hội (cả nhà nước và tư nhân) cần được hỗ trợ để đóng vai trò rõ hơn, mạnh hơn trong tất cả các lĩnh vực kinh tế xã hội. Bản kế hoạch nên nhấn mạnh hơn vai trò của các tổ chức phi chính phủ trong nước trong việc thực hiện các mục tiêu của kế hoạch.
- **Các vấn đề xuyên quốc gia và hợp tác vùng** cho toàn bộ tiểu vùng sông Mê Kông cần được xem xét và lồng ghép trong toàn bộ kế hoạch.
- Bản kế hoạch nên có **một phần riêng về tổ chức thực hiện kế hoạch** với cơ chế rõ ràng. Văn kiện hiện nay như một danh sách các giải pháp có thể, còn ít chú trọng sẽ thực sự lập kế hoạch như thế nào để triển khai các giải pháp đề ra. Do đó tập trung hơn vào “làm như thế nào” chứ không đơn thuần “làm gì” sẽ giúp bản kế hoạch có tính khả thi hơn.

- Nên có **một phần riêng về giám sát, đánh giá thực hiện** với cơ chế rõ ràng, để có thể giám sát và đánh giá tốt hơn việc thực hiện các chính sách và chương trình đề ra. Nên có thêm các chỉ số chất lượng rõ ràng ở tất cả các lĩnh vực. Nên bổ sung các chỉ tiêu định tính, vì nhiều mục tiêu khó có thể đo lường định lượng (ví dụ về năng lực cán bộ, chất lượng dịch vụ).
- Cần có 1 phụ lục về **ma trận chính sách**, tổng hợp 1 cách tóm tắt tất cả các chính sách, chương trình chính cần thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu/chỉ tiêu đề ra.
- Thuật ngữ **“xã hội hoá”** trong nhiều lĩnh vực, ví dụ trong giáo dục, y tế, nông nghiệp, bảo vệ môi trường, xoá đói giảm nghèo..., nên được làm rõ hơn phù hợp với bối cảnh cụ thể trong từng lĩnh vực. Cần nhấn mạnh xã hội hoá không chỉ có nghĩa là “đa dạng hoá nguồn thu” hay “người tiêu dùng trả tiền” - mà có thể còn làm cho những người nghèo nhất khó tiếp cận dịch vụ (vì khả năng đóng góp tài chính của người nghèo rất hạn chế). Nên khẳng định rõ ngân sách nhà nước hạn hẹp sẽ ưu tiên những đối tượng và những vùng nghèo nhất, theo hướng không có người nghèo nào không tiếp cận được các dịch vụ xã hội cơ bản vì lý do nghèo.
- Về mặt trình bày và kết cấu văn bản, nên dùng thêm bảng biểu tổng kết các số liệu và mục tiêu thay cho các đoạn mô tả dài dòng. Nên có nguồn trích dẫn cho các số liệu nêu ở ghi chú cuối trang. Các đề mục và nội dung ở từng phần nên thống nhất, hiện nay có chỗ là nhiệm vụ và giải pháp, có chỗ là giải pháp, có chỗ là giải pháp và chính sách. Trong một số lĩnh vực, thể hiện mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp còn lẫn lộn với nhau.

3. Một số thông điệp chính để phát triển các ngành, lĩnh vực có lợi hơn cho người nghèo:

Phát triển nông thôn:

- Phát triển nông thôn cần dựa trên quản lý và điều hành tốt hơn với sự tham gia nhiều hơn của người dân, các tổ chức dựa vào cộng đồng; cung cấp các dịch vụ xã hội hiệu quả đến các vùng nông thôn và các biện pháp đa dạng sinh kế.
- Bản kế hoạch cần cụ thể hơn về việc đảm bảo điều kiện vật chất để các xã/thôn bản tiếp cận thị trường tốt hơn và tạo ra các kênh thông tin thị trường đa dạng, cập nhật mà nông dân có thể sử dụng hiệu quả.
- Cần cụ thể hơn trong vấn đề tạo việc làm ở nông thôn thông qua các chính sách: (i) đa dạng sinh kế; (ii) dạy nghề và kỹ năng gắn với hướng nghiệp và hỗ trợ đào tạo theo yêu cầu của các doanh nghiệp; (iii) thực hiện hiệu quả các chính sách và chương trình khuyến khích sự phát triển các doanh nghiệp nông thôn.

Công nghiệp và dịch vụ:

- Cần quan tâm hơn đến các giải pháp và chính sách có lợi cho người nghèo khi phát triển các ngành công nghiệp và dịch vụ.
- Cụ thể, phát triển du lịch cần gắn với định hướng phát triển nông thôn, vì ngành du lịch đã chứng tỏ tiềm năng to lớn đối với phát triển nông thôn (về cơ sở hạ tầng, việc làm, nghề thủ công, dịch vụ gia đình) và giảm nghèo trong các nhóm dân tộc ít người, gắn liền với quản lý bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên, văn hoá và các lợi ích xã hội rộng hơn. Cần thúc đẩy ngành du lịch như là một công cụ hữu hiệu đối với phát triển và giảm nghèo.

Thương mại và hội nhập kinh tế:

- Thiết kế các chính sách thương mại giúp tạo cơ hội và giảm rủi ro cho người nghèo. Tập trung hơn vào việc đánh giá tác động xã hội và đói nghèo trong quá trình hội nhập kinh tế và gia nhập WTO để có thể phòng chống, khắc phục những tác động bất lợi đến các hộ nông dân quy mô nhỏ (ở vùng cao) và các nhóm dễ tổn thương khác, nhất là phụ nữ và trẻ em.

- Tích cực thực hiện các chính sách bảo tồn đa dạng sinh học, phát triển nông nghiệp xanh/sạch, bảo vệ hệ sinh thái, tài nguyên thiên nhiên và sản phẩm đặc hữu của Việt Nam; và phát huy chúng như những lợi thế cạnh tranh nhằm gia tăng giá trị cho các sản phẩm và dịch vụ của Việt Nam trong thương mại quốc tế.
- Cần có chính sách và cơ chế, chương trình hỗ trợ đảm bảo quyền của người lao động và điều kiện lao động trong các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài và trong các ngành xuất khẩu lao động và hàng hoá.

Giáo dục và đào tạo:

- Ưu tiên nguồn lực cho việc thực hiện và giám sát đánh giá các chương trình “Giáo dục cho mọi người”, “Chương trình giáo dục tiểu học cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn”, “Kế hoạch hành động quốc gia về giáo dục cho trẻ khuyết tật” (sẽ có ích hơn nếu bản kế hoạch đề cập cụ thể các chương trình này, và các chương trình khác tương tự).
- Cần ưu tiên và thực hiện hiệu quả chương trình xoá mù chữ và các chương trình giáo dục phi chính thức khác tại các xã vùng cao.
- Phát triển mạnh và hỗ trợ thoả đáng nguồn nhân lực tại chỗ vùng cao (ví dụ: giáo viên dân tộc ít người).

Tài nguyên và bảo vệ môi trường:

- Tiếp tục mở rộng và thúc đẩy mạnh hơn sự tham gia đầy đủ của tất cả các bên, nhất là cộng đồng địa phương và khu vực tư nhân, trong quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững. Nổi điều tra cơ bản và các số liệu theo dõi với các mục tiêu Thiên niên kỷ của Việt Nam (VDGs).
- Tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý về quản lý tài nguyên thiên nhiên (lồng ghép các yếu tố kinh tế và xã hội vào đánh giá tác động môi trường) và củng cố các cơ quan chức năng (chuyên ngành và liên ngành).
- Cần nêu rõ sự hợp tác với các nước để cùng nhau hành động nhằm quản lý tài nguyên thiên nhiên tiểu vùng sông Mê công.

Y tế:

- Tăng đầu tư cho y tế cơ sở, nhất là y tế dự phòng và đào tạo nhân lực.
- Tăng cường các hoạt động truyền thông và giáo dục y tế một cách hệ thống và hiệu quả về chăm sóc sức khoẻ sinh sản, phòng chống suy dinh dưỡng, an toàn giao thông, và bỏ hút thuốc lá. Đưa các nội dung về bình đẳng giới, kỹ năng sống và chăm sóc sức khoẻ vào chương trình học trong các nhà trường.
- Xây dựng cơ chế hiệu quả nhằm khuyến khích và hỗ trợ tất cả các bên liên quan ở trong và ngoài hệ thống nhà nước trong việc ngăn ngừa đại dịch HIV/AIDS và chăm sóc những người nhiễm bệnh.

Quản trị nhà nước, tham gia và dân chủ cơ sở:

- Nên có một chương riêng về quản trị nhà nước, tập trung mạnh hơn vào sự tham gia hiệu quả và trao quyền của người dân, cộng đồng và các tổ chức xã hội từ cấp cơ sở trong toàn bộ chu trình lập kế hoạch tất cả các chính sách và chương trình phát triển.
- Cam kết xây dựng mạng lưới cung cấp dịch vụ nhiều thành phần (nhà nước, tư nhân, tổ chức phi chính phủ...) nhằm tạo ra nhiều sự lựa chọn hơn cho người dân; đồng thời đảm bảo nguồn lực hạn hẹp của nhà nước tập trung hỗ trợ các hộ gia đình nghèo hơn.
- Cam kết thực hiện đầy đủ và nhất quán qui chế dân chủ ở cơ sở tại tất cả các địa phương, có gắn liền với chương trình cải cách hành chính để đảm bảo phân cấp dân chủ hơn. Tiếp tục nâng cao vai trò của hội đồng nhân dân ở cấp xã, huyện và tỉnh, với cơ chế rõ ràng để đảm bảo trách nhiệm giải trình của chính quyền cơ sở với người dân.

- Làm rõ hơn chức năng và trách nhiệm của cấp chính quyền cơ sở, tăng hoặc tái phân bổ ngân sách dành cho nâng cao năng lực dựa theo nhu cầu và chế độ đãi ngộ các cán bộ cơ sở.
- Thể hiện cam kết rõ ràng trong việc tạo môi trường thuận lợi cho sự phát triển và hoạt động của các tổ chức phi chính phủ trong nước, nêu rõ cách thức và lộ trình để thực hiện cam kết này.

Các vấn đề liên thông:

- Giới: Trong bản kế hoạch đã thể hiện cam kết thực hiện mục tiêu bình đẳng giới. Đề mục tiêu bình đẳng giới được lồng ghép tốt hơn trong mọi lĩnh vực và ở mọi cấp, cần nêu rõ nhiệm vụ thực hiện bình đẳng giới trong một trong 7 nhiệm vụ chủ yếu dưới mục tiêu tổng quát, và cam kết thu thập và phân hồi các số liệu có phân tách giới trong tất cả các ngành, lĩnh vực. Cụ thể, cần đưa vấn đề giới vào chương trình phổ thông trung học; thay đổi cơ quan lãnh đạo thực hiện chương trình bình đẳng giới ở mọi cấp (kể cả cấp lãnh đạo cao nhất, chứ không chỉ là Hội Phụ nữ).
- Trẻ em: nhấn mạnh các tác động thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội đến đời sống trẻ em; nêu rõ chính sách ưu đãi cho các nhóm trẻ em cần sự bảo trợ/bảo vệ đặc biệt, như trẻ em tàn tật, lao động trẻ em, trẻ em di cư; tăng ngân sách đầu tư cho trẻ em và hình thành hệ thống giám sát ngân sách dành cho trẻ em.
- Dân tộc ít người: xây dựng các mục tiêu giảm nghèo rõ ràng cho các nhóm dân tộc khác nhau; tăng cường triển khai thực hiện qui chế dân chủ ở cơ sở đối với các dân tộc ít người; khuyến khích bảo vệ và phát huy các kiến thức và văn hoá bản địa, đa dạng sinh học, sản xuất xanh/sạch nhằm gia tăng giá trị sản phẩm và dịch vụ (ví dụ, trong du lịch văn hoá và dựa vào cộng đồng, nông nghiệp, quản lý tài nguyên); thúc đẩy việc nhân rộng các sáng kiến dựa vào cộng đồng thành công (các mô hình cung cấp dịch vụ có thể nhân rộng) để giúp giảm rủi ro, tạo việc làm và tiếp cận thị trường cho đồng bào dân tộc ít người.
- Di cư: qui trình đăng ký linh hoạt và minh bạch hơn; đưa người nhập cư vào diện xét hộ nghèo và tạo cơ hội dễ dàng tiếp cận các dịch vụ xã hội; tăng cường nghiên cứu phân tích và phân hồi với tình hình thực tế về di cư và vai trò của di cư trong sinh kế ở địa phương.
- Người tàn tật: rà soát lại quan điểm về người tàn tật trong bản kế hoạch nhằm thay đổi cách tiếp cận coi người tàn tật là đối tượng hỗ trợ nhân đạo/gánh nặng chi phí sang cách tiếp cận coi người tàn tật là một nguồn lực có giá trị của xã hội; lồng ghép các vấn đề người tàn tật vào tất cả các chương trình phát triển, các văn kiện và chiến lược ngoài nội dung bảo trợ xã hội; giúp người tàn tật (nhất là phụ nữ tàn tật) được tiếp cận công bằng đến các dịch vụ xã hội, ví dụ như vay vốn tín dụng, dịch vụ y tế cơ bản và dạy nghề. Trong kế hoạch xây dựng cơ sở hạ tầng, công trình công cộng, nhà ở, các dịch vụ công cộng như giao thông công cộng cần xem xét đến khả năng tiếp cận và sử dụng của người tàn tật để đảm bảo sự tham gia đầy đủ của họ vào các hoạt động kinh tế, xã hội của cộng đồng.
- HIV/AIDS: tạo ra các thông điệp và cách ứng xử tích cực hơn, làm giảm sự xa lánh đối với những người nhiễm HIV/AIDS và những nhóm có nguy cơ lây nhiễm cao; nâng cao năng lực cho cán bộ nhất là cán bộ cấp cơ sở làm việc trong lĩnh vực này (y tế, ngoài y tế); tiếp cận dễ dàng hơn các dịch vụ xã hội. Cần sửa lại cách viết về HIV/AIDS để phản ánh đây là một vấn đề y tế cộng đồng chứ không phải là một "tệ nạn xã hội" (tốt hơn trong văn bản nên tách vấn đề HIV/AIDS ra, không đề cập chung với tệ nạn xã hội), để giảm tình trạng phân biệt đối xử với người nhiễm HIV/AIDS bắt đầu ngay từ văn kiện kế hoạch.

III. NHẬN XÉT CHI TIẾT

ĐỀ MỤC	BÌNH LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT
PHẦN THỨ NHẤT : ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2001-2005	
I. Đánh giá tổng quát	Trong phần thứ nhất này có nhiều đánh giá thẳng thắn và sát thực. Tuy nhiên, nên xem xét cùng lúc các thành tựu và hạn chế trong từng ngành, hơn là lúc đầu nêu tất cả các thành tựu, sau đó là tất cả các hạn chế và yếu kém. Đôi khi, giữa hai đoạn có thể mâu thuẫn nhau, và cách đánh giá theo từng ngành sẽ giúp khắc phục mâu thuẫn này.
II. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch 5 năm 2001-2005 theo các chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp cụ thể	
A. Lĩnh vực kinh tế	
1. Về tăng trưởng kinh tế và ổn định kinh tế vĩ mô	<p>Nên mở rộng phân tích tình hình năm 2005 và giải thích rõ hơn nhận định “năm 2005, dự kiến sẽ là năm đánh dấu bước chuyển biến mới và toàn diện trong toàn nền kinh tế...”</p> <p>Nêu chi tiết hơn về khái niệm “nợ xấu” – bao gồm tất cả các khoản nợ xấu trong toàn nền kinh tế, hay một số đã được tái cơ cấu ?</p>
2. Về chuyển dịch cơ cấu kinh tế	Phần “Quá trình dịch chuyển cơ cấu còn một số tồn tại...” nên thảo luận cụ thể hơn về tình trạng thất nghiệp và thiếu việc làm, tác động bình đẳng giới không đồng đều, tình trạng đói nghèo, phân hoá giàu nghèo và rủi ro.
3. Hoạt động kinh tế đối ngoại	Trong phần (2) về “Thu hút nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức ODA”, nên nêu cụ thể các số liệu và nhận xét về đóng góp của rất nhiều dự án nhỏ do các tổ chức phi chính phủ quốc tế (INGOs) tài trợ (khoảng 140 triệu USD tài trợ không hoàn lại hàng năm trong năm 2005, với 400 INGOs đang hoạt động) nhằm phát triển cộng đồng và xoá đói giảm nghèo trên cả nước, nhất là tại các vùng sâu vùng xa, vùng nghèo và miền núi.
4. Đầu tư phát triển và xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội	<p>Nên thảo luận cụ thể hơn kết quả của việc “...tỷ trọng đầu tư ở các vùng núi, vùng khó khăn tăng cao hơn thời kỳ 1996-2000...” (xét về mật thu nhập/chi tiêu, tỷ lệ nghèo và khoảng cách nghèo, đa dạng sinh kế)</p> <p>Trong đoạn “Điểm nổi bật về đầu tư trong 5 năm qua là sự tăng lên mạnh mẽ của đầu tư từ khu vực tư nhân”, nên phân tích chi tiết hơn tác động của đầu tư từ khu vực tư nhân đến tạo việc làm và giảm nghèo.</p> <p>Trong phần “trong lĩnh vực đầu tư phát triển vẫn còn một số tồn tại”, bên cạnh những vấn đề và tồn tại đã nêu, nên chỉ ra những nguyên nhân sâu xa hơn. Ví dụ như:</p> <p>Liệu các chính sách chưa đủ hấp dẫn là do cách tiếp cận từ trên xuống ?</p> <p>Các hạn chế về đầu tư là do niềm tin của công chúng, do cách tiếp cận, hay do khuyến khích đầu tư chưa phù hợp ?</p> <p>Đầu tư định hướng sản xuất và định hướng kỹ thuật chưa đáp ứng nhu cầu thực sự của nông dân qui mô nhỏ (ở vùng núi nghèo)?</p> <p>Trả lời các câu hỏi này sẽ giúp đề ra các phương án chiến lược phù</p>

	<p>hợp hơn.</p> <p>Các hạn chế trong phân bổ ngân sách và xác định ưu tiên đầu tư cần được phân tích rõ, nhất là cách thức liên kết giữa kế hoạch phát triển kinh tế xã hội ở tất cả các cấp với chương trình đầu tư công cộng và chi ngân sách thường xuyên.</p> <p>Phân tích các hạn chế về “quy trình quản lý đầu tư” nên giải thích rõ hơn nguyên nhân của các hạn chế đó. Do thiếu cán bộ có năng lực, do qui trình rườm rà, nhận thức hạn chế, hay do qui trình chưa đầy đủ ?</p> <p>Vai trò của cộng đồng cơ sở trong việc giám sát các công trình đầu tư cần được phân tích rõ hơn.</p> <p>Tương tự, nên phân tích sâu hơn các hạn chế về kết cấu hạ tầng để rút ra các bài học. Tại sao kết cấu hạ tầng chưa đáp ứng yêu cầu phát triển ? Do thiếu đánh giá nhu cầu và nghiên cứu cụ thể trong lĩnh vực này? Do thiếu vốn đầu tư hay do đầu tư chưa đúng ?</p> <p>Tồn tại về hành vi của lái xe là một nguyên nhân dẫn đến tai nạn giao thông nên được nhắc đến trong phần này.</p>
<p>B. Lĩnh vực xã hội</p>	
<p>1. Về giáo dục và đào tạo và phát triển nguồn nhân lực.</p>	<p>Nên bổ sung các đánh giá định tính chứ không chỉ dựa vào các đánh giá định lượng.</p> <p>Giáo dục đào tạo có nhiều thành tựu, nhưng cũng nên nhận diện chênh lệch về chất lượng đào tạo giữa thành thị và nông thôn, nhất là ở các vùng sâu vùng xa và miền núi</p> <p>Nên xem xét các cách giải thích khác cho những vấn đề đã xác định:</p> <p>Chính sách cho giáo viên, cụ thể là giáo viên địa phương ở vùng miền núi dân tộc ít người? Vấn đề chất lượng giáo viên ?</p> <p>Chương trình đào tạo, cả về nội dung, đã phù hợp và có chất lượng cao?</p> <p>Ngân sách dành cho giáo dục và đào tạo người dân tộc ít người được phân bổ như thế nào?</p>
<p>2. Về lĩnh vực khoa học và công nghệ.</p>	
<p>3. Về lĩnh vực tài nguyên, môi trường và phát triển bền vững</p>	<p>Cần nhấn mạnh sự tham gia của tất cả các bên liên quan, nhất là các cộng đồng cơ sở và khu vực tư nhân, trong quản lý bền vững tài nguyên môi trường. Cần phân tích sâu hơn nguyên nhân của các hạn chế để định hướng cho giai đoạn kế hoạch sắp tới.</p>
<p>4. Công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình, giải quyết việc làm và xoá đói giảm nghèo</p>	<p>Ba mục tiêu về dân số, kế hoạch hoá gia đình và đào tạo lao động không đạt kế hoạch, nhưng còn thiếu phân tích về nguyên nhân.</p> <p>Đoạn về suy dinh dưỡng cần giải thích rõ hơn nguyên nhân dẫn đến những hạn chế đã xác định (do nghèo, thiếu lương thực thực phẩm, cho trẻ ăn theo tập quán cũ, nạn nhân chất độc màu da cam, thông tin không đầy đủ...)</p> <p>Đoạn về kế hoạch hoá gia đình nên xem xét các vấn đề giới, ví dụ công tác kế hoạch hoá gia đình đã chú trọng đến cả nam và nữ hay chưa (tỷ lệ nam và nữ sử dụng các biện pháp tránh thai). Tìm hiểu vấn đề này sẽ giúp thấy rõ cần tập trung công tác kế hoạch hoá gia đình vào đối tượng nào (nam hay nữ).</p>

	<p>Đoạn về xuất khẩu lao động nên nêu rõ hơn tỷ lệ nam và nữ đi lao động xuất khẩu. Có sự phân biệt đối xử với phụ nữ trong vấn đề này hay không?</p> <p>Nghèo đã giảm mạnh ở hầu hết các nhóm dân cư. Tuy nhiên cần phân tích rõ hơn tình hình phân hoá giàu nghèo giữa các vùng và các nhóm dân cư, xác định rõ nhóm nào dễ tái nghèo.</p> <p>Các bài học chính từ việc đánh giá thực hiện chương trình xoá đói giảm nghèo giai đoạn 2001-2005 nên được trình bày ở đây (ví dụ, hướng đến đối tượng thực sự nghèo, điều hành ngân sách minh bạch và hiệu quả, phân cấp hiệu quả, giám sát có hệ thống...)</p>
5. Về công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân	<p>Chất lượng dịch vụ y tế đã được cải thiện, nhưng những hạn chế trong cung cấp dịch vụ bảo hiểm y tế (khám chữa bệnh miễn phí) cho người nghèo và cho trẻ em dưới 6 tuổi cần được phân tích rõ.</p> <p>Cần nêu tác động của việc tăng giá thuốc liên tục đến người nghèo và nhóm thu nhập trung bình.</p> <p>Cần nêu tình hình và tác hại của hút thuốc lá đến sức khoẻ và tăng chi phí y tế (một nghiên cứu do Tổ chức y tế thế giới tài trợ đã ước tính hàng năm tại Việt Nam có 30-40.000 người chết vì các bệnh liên quan đến thuốc lá).</p> <p>Vai trò (đóng góp và hạn chế) của khu vực tư nhân trong lĩnh vực dịch vụ y tế cần được nêu ở phần này.</p>
6. Các hoạt động văn hoá thông tin và thể dục thể thao	
7. Các hoạt động về xã hội, chăm sóc người có công được mở rộng.	
8. Bình đẳng về giới, công tác thanh niên và bảo đảm quyền cho trẻ em	<p>Đánh giá trong phần này rất hữu ích, nhưng vấn đề giới cần được lồng ghép trong toàn bộ văn kiện; số liệu trong các phần khác cần được phân tách theo giới.</p> <p>Nên đề cập đến tình trạng buôn bán phụ nữ và trẻ em.</p> <p>Nên đề cập tình trạng bất bình đẳng giới trong giáo dục tiểu học và trung học ở các vùng nghèo, vùng cao.</p> <p>Nên nêu cụ thể tỷ lệ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có ghi tên cả hai vợ chồng theo vùng hoặc theo tỉnh (để nhấn mạnh những thách thức trong vấn đề này)</p>
	<p>Tổ chức bộ máy về bảo vệ trẻ em đã được thiết lập với sự tham gia của nhiều cơ quan, nhưng còn thiếu cơ chế điều phối hiệu quả giữa các cơ quan. Tình trạng này dẫn đến kém hiệu lực trong bảo đảm quyền cho trẻ em.</p> <p>Cần phân tích về tình trạng lao động trẻ em và trẻ em di cư ở các vùng đô thị hoá, bạo lực với trẻ em trong gia đình, cộng đồng và nhà trường, và lạm dụng trẻ.</p> <p>Cần giám sát phân bổ ngân sách cho các vấn đề trẻ em.</p>
9. Công tác phòng chống ma túy và tệ nạn xã hội	<p>Gắn HIV/AIDS với các 'tệ nạn xã hội' sẽ gây khó khăn cho công tác phòng chống HIV/AIDS và không giúp giảm bớt sự xa lánh và kỳ thị với những người mắc căn bệnh này. Cần giải quyết vấn đề HIV/AIDS dưới góc độ y tế và xã hội.</p>

	Từ “tệ nạn xã hội” (nhất là liên quan đến HIV/AIDS) không phù hợp trong bối cảnh quốc tế, tốt hơn là văn kiện không nên dùng từ này.
C. Quốc phòng an ninh	Nên nêu cụ thể “bốn nguy cơ đối với an ninh quốc gia” là gì trong bối cảnh mới. Nên đề cập vấn đề hiện hoá ngành công an, và chống tham nhũng. Nên nêu chi tiết hơn về tai nạn giao thông, các biện pháp đã thực hiện để giảm tai nạn, và mục tiêu cho giai đoạn tới.
D. Xây dựng thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa	
1. Xây dựng hệ thống luật pháp về kinh tế	
2. Nâng cao năng lực, hiệu lực thực thi pháp luật	Khi đề cập “nhận thức về kinh tế thị trường, về pháp luật và ý thức pháp luật của đại bộ phận nhân dân, nhất là của các tầng lớp nhân dân ở các vùng sâu, vùng xa, vùng kém phát triển còn rất hạn chế”, sẽ công bằng và có ích hơn nếu đề cập đến những hạn chế trong việc thiết kế, truyền thông và thực hiện các biện pháp chính sách phù hợp với thực tế của các dân tộc ít người và phát huy các mặt tích cực trong tập quán và luật tục của họ.
3. Tiếp tục hình thành đồng bộ các loại thị trường.	
4. Bộ máy hành chính nhà nước và cải cách hành chính	Nên đề cập cụ thể hơn về kết quả, tác động, hạn chế và thách thức trong việc thực hiện cải cách hành chính và qui chế dân chủ ở cơ sở. Phần này sẽ chặt chẽ hơn khi thảo luận thêm về chống tham nhũng, tệ ‘chạy chức’, và cách thức đảm bảo có sự giám sát độc lập các dịch vụ công.
PHẦN THỨ HAI: KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2006 - 2010	
I. Những thuận lợi và khó khăn, thách thức của nền kinh tế trong bước phát triển mới.	
1. Những yếu tố thuận lợi cần được khai thác, phát huy	
2. Những khó khăn thách thức cần phải được hạn chế, khắc phục	Nên nhấn mạnh lại các thách thức về chênh lệch mức sống gia tăng, đa dạng về cơ hội sinh kế và rủi ro giữa các nhóm dân cư, các dân tộc khác nhau. Nhấn mạnh cam kết (và thách thức) để quá trình hội nhập kinh tế đem lại lợi ích cho tất cả mọi người (bao gồm cả những người nghèo nhất) và giúp giảm nghèo.
II. Mục tiêu tổng quát, nhiệm vụ và các chỉ tiêu chủ yếu	
1. Mục tiêu tổng quát	
2. Nhiệm vụ chủ yếu	Nên bổ sung nhiệm vụ thực hiện bình đẳng giới ở mức này để vấn đề giới có thể được lồng ghép trong tất cả các ngành, lĩnh vực.
3. Các chỉ tiêu chủ yếu	
1. Về kinh tế:	
2. Về xã hội:	Hiện nay không có định nghĩa thế nào là “hộ đói”, do đó chỉ tiêu “chấm dứt hoàn toàn tình trạng hộ đói” sẽ khó đo lường. Nếu chúng ta coi “hộ đói” là “hộ nghèo lương thực thực phẩm” theo chuẩn nghèo chi tiêu của Tổng cục thống kê theo phương pháp

	<p>quốc tế, thì mục tiêu Thiên niên kỷ của Việt Nam (VDGs) là “giảm 3/4 tỷ lệ nghèo về lương thực thực phẩm so với năm 2000, có nghĩa là giảm từ 12% năm 2000 xuống còn 2-3% vào năm 2010”. Như vậy, có thể có sự hiểu nhầm về chỉ tiêu này.</p> <p>Nên nêu cụ thể chỉ tiêu tỷ lệ thiếu việc làm ở nông thôn, bên cạnh chỉ tiêu tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị.</p> <p>Nên làm rõ chỉ tiêu “tỷ lệ lao động đã qua đào tạo đạt 40% tổng số lao động xã hội” có tính đến các đào tạo ngắn hạn trong lĩnh vực nông nghiệp hay không, vì sẽ khó đo lường chỉ tiêu 40% này.</p>
3. Về môi trường:	<p>“Phấn đấu...” có phải là một chỉ tiêu chính xác hay không ?</p> <p>Nên bổ sung một số chỉ tiêu về vệ sinh môi trường, rừng ngập mặn, và đa dạng sinh học.</p>
III. Dự báo các cân đối lớn của nền kinh tế	
IV. Định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực trong 5 năm 2006-2010	
1. Phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới và nâng cao đời sống nông dân	
a) Mục tiêu:	
b) Để thực hiện mục tiêu và định hướng phát triển nêu trên, nhiệm vụ chủ yếu cần tập trung thực hiện trong 5 năm tới là:	<p>“...Chuyển một số vùng (lúa) năng suất thấp sang nuôi trồng cây con khác...” là một định hướng đúng, nhưng nên có thêm các biện pháp về qui hoạch sản xuất, thủy lợi, cung cấp dịch vụ hiệu quả cho nông dân ở vùng chuyển đổi để họ có thể chuyển đổi tự nguyện, có hiệu quả và có trách nhiệm.</p> <p>An ninh lương thực quốc gia được đảm bảo. Nhưng mặc dù Việt Nam sản xuất thừa thóc gạo, vẫn có những nhóm dân cư thiếu ăn một vài tháng trong năm. Vấn đề an ninh lương thực nên được quan tâm xem xét ở mức cộng đồng hay qui mô hộ gia đình, thay vì ở tầm quốc gia.</p> <p>Nên có định hướng rõ ràng phát triển và đảm bảo chủ quyền lương thực, gìn giữ các giống bản địa và đa dạng sinh học ở các vùng dân tộc ít người.</p> <p>Về lâm nghiệp, nên nhấn mạnh việc bảo vệ nguồn lợi thủy sản (rừng ngập mặn).</p> <p>“Khai thác được lợi thế tự nhiên, kinh tế của từng vùng sinh thái...” là định hướng hợp lý, nhưng cần nhấn mạnh hơn các giải pháp gia tăng giá trị và đảm bảo lợi thế cạnh tranh của sản phẩm vùng đồng bào dân tộc ít người thông qua tích cực phát triển kiến thức bản địa và giống cây con địa phương.</p> <p>“Phát triển vùng sản xuất chuyên canh lớn...” về cây công nghiệp phù hợp với nông dân (khá giả hơn), nhưng nên tập trung hơn vào cung cấp các dịch vụ hiệu quả để nông dân (nghèo hơn) có thể đa dạng hoá sinh kế phù hợp với điều kiện thực tế của họ.</p>
	<p>“Phát triển giống cây trồng vật nuôi có năng suất cao, chất lượng tốt...” cần đi kèm với giám sát chặt chẽ và có biện pháp can thiệp thị trường giống (về cung và cầu) nhất là ở các vùng sâu, vùng xa, vùng núi nghèo.</p>

	<p>“Tổ chức tốt mạng lưới khuyến nông cơ sở...” là một giải pháp hữu ích, nhưng cần nhấn mạnh hơn các giải pháp đổi mới toàn diện cách tiếp cận và phương pháp khuyến nông theo hướng cung cấp các dịch vụ tư vấn và thúc đẩy tại chỗ cho nông dân, chứ không chỉ nhấn mạnh vai trò chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ.</p> <p>Nghiên cứu và phát triển các công nghệ đầu tư thấp, rủi ro thấp cho nông dân nghèo (“LEISA”: mô hình nông nghiệp bền vững sử dụng ít vật tư bên ngoài).</p>
	<p>Tập trung cải thiện chất lượng thông tin thị trường về các hoạt động nông nghiệp và phi nông nghiệp. Cùng với đầu tư vào hạ tầng thông tin, cần có hệ thống khuyến khích và đào tạo nhằm thúc đẩy các mạng lưới hiện có, như mạng lưới khuyến nông, các tổ chức dựa vào cộng đồng và tổ nhóm nông dân, cung cấp qua nhiều kênh khác nhau các thông tin có chất lượng và cập nhật đến các thôn bản để người dân có thể sử dụng được một cách hiệu quả.</p>
	<p>Tiến hành các nghiên cứu ứng dụng về tác động của công nghiệp hoá đến vùng nông thôn theo hướng đảm bảo phát triển công bằng và bền vững. Chuẩn bị tốt cho nông dân đối phó với đô thị hoá đang gia tăng.</p> <p>Lĩnh vực nông nghiệp sẽ gặp rủi ro cao hơn khi gia nhập WTO, do đó công tác nghiên cứu, giám sát đánh giá các tác động bất lợi cần được nhấn mạnh trong kế hoạch.</p> <p>Liệu Việt Nam có dùng sản phẩm biến đổi gen hay không? Nếu có, cần lập kế hoạch và triển khai quản lý rủi ro.</p> <p>Nông dân Việt Nam sẽ bị ảnh hưởng như thế nào khi thực hiện các quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến thương mại?</p> <p>Nên đề cập đến sự điều phối tốt hơn giữa viện trợ nước ngoài (các nhà tài trợ, tổ chức phi chính phủ) với các chương trình của nhà nước tại các cộng đồng nghèo.</p> <p>Giám sát thực hiện giao đất giao rừng và có hướng chiến lược giải quyết các vấn đề đất đai ở vùng dân tộc ít người.</p> <p>Phân cấp mạnh hơn nữa trong quản lý đầu tư đi kèm kế hoạch cụ thể nâng cao năng lực cho cấp cơ sở (xã, thôn bản).</p>
2. Phát triển công nghiệp, thực hiện mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa.	
3. Phát triển các ngành dịch vụ.	<p>Phát triển mạnh các mô hình dịch vụ sáng tạo, hiệu quả ở vùng miền núi, dân tộc ít người.</p> <p>Cần đảm bảo một số dịch vụ cho người nghèo là hoàn toàn miễn phí tại điểm cung cấp dịch vụ.</p> <p>Tiềm năng của du lịch giúp giảm nghèo, phát triển nông thôn (về kinh tế và kết cấu hạ tầng) cũng như mối quan hệ giữa du lịch và quản lý bền vững tài nguyên thiên nhiên và văn hoá, cũng như các lợi ích xã hội rộng hơn – cần được coi là một định hướng chủ đạo trong phát triển dịch vụ du lịch.</p>
4. Hoạt động xuất, nhập khẩu và hội nhập kinh tế quốc tế	<p>Thiết kế các chính sách thương mại đem lại cơ hội và giảm rủi ro cho người nghèo.</p> <p>Tập trung hơn vào đánh giá tác động xã hội và giảm nghèo trong</p>

	<p>quá trình hội nhập kinh tế để giúp phòng chống và khắc phục những tác động bất lợi đến người sản xuất nhỏ (ở vùng cao) và các nhóm dễ bị tổn thương khác.</p> <p>Rút ra các bài học từ các quốc gia khác về chi phí và lợi ích khi hội nhập. Sửa đổi các chiến lược hỗ trợ hiệu quả cho người nghèo, dân tộc ít người và đối phó với các hệ quả.</p> <p>Cần có chính sách và cơ chế, chương trình hỗ trợ đảm bảo quyền của người lao động và điều kiện lao động trong các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài và trong các ngành xuất khẩu lao động và hàng hoá.</p> <p>Nhà nước cần đầu tư nhiều hơn nữa về nghiên cứu để cải thiện chất lượng dự báo thị trường thế giới.</p>
<p>5. Giáo dục, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực.</p>	<p>Sẵn sàng tới trường là một vấn đề còn khó khăn ở các vùng núi, vùng sâu vùng xa, nhưng còn thiếu các giải pháp hiệu quả để khắc phục vấn đề này.</p> <p>Mở rộng qui mô giáo dục cần đi liền với cải thiện chất lượng giáo dục. Cần quan tâm rõ hơn đến giải quyết vấn đề chất lượng giáo dục và đề ra các mục tiêu hướng về chất lượng.</p> <p>Tránh tình trạng chạy theo thành tích (các con số định lượng) trong giáo dục mà bỏ qua chất lượng thực sự.</p> <p>Lồng ghép vấn đề giới, sức khoẻ sinh sản, HIV/AIDS vào chương trình học.</p> <p>Tăng nội dung thực hành và thực nghiệm trong giáo dục.</p> <p>Cần đối phó cụ thể hơn với tình trạng gian dối và tham nhũng trong lĩnh vực giáo dục.</p> <p>Cam kết áp dụng các phương pháp “học tập tích cực” và “lấy trẻ làm trung tâm” trong tất cả các trường tiểu học.</p> <p>Giáo dục cơ bản bao gồm cả giáo dục trước khi đến trường cần được cung cấp tại chỗ miễn phí cho trẻ em nghèo dân tộc ít người; nên cam kết cung cấp đủ ngân sách để thực hiện chính sách này (làm thế nào để chính sách phổ cập tiểu học và trung học cơ sở được thực hiện; học phí và các đóng góp khác hiện nay là quá nặng đối với nhiều hộ nghèo có trẻ đến trường).</p> <p>Hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi (về học phí, sách vở, quần áo đồng phục...) trong giáo dục chính thức của trẻ có hoàn cảnh khó khăn, trẻ tàn tật và trẻ nhiễm HIV/AIDS.</p> <p>Đổi mới hệ thống xếp hạng và cho điểm trong giáo dục. Cần tập trung vào nâng cao năng lực cho cán bộ ở cấp cơ sở đáp ứng nhu cầu trong quá trình đổi mới, và xây dựng các kỹ năng mới cho sinh viên tốt nghiệp đại học.</p> <p>Tạo cơ hội công bằng thực sự trong tiếp cận giáo dục ở nước ngoài (đi du học) cho cả khu vực nhà nước và ngoài nhà nước, bao gồm cả trong các chương trình do các nhà tài trợ/nhà nước hỗ trợ kinh phí.</p>

	<p>Sớm tăng đầu tư cho giáo dục và đào tạo đạt tỷ lệ 20% tổng chi ngân sách nhà nước là chủ trương rất đáng khích lệ. Nên chia ngân sách này thành các mức cụ thể cho từng lĩnh vực, từng cấp giáo dục và đào tạo, và chia theo vùng lãnh thổ (cần có đủ ngân sách để đảm bảo cung cấp giáo dục miễn phí cho trẻ em nghèo vùng dân tộc ít người, trẻ em tàn tật).</p>
6. Khoa học và công nghệ.	<p>Nhấn mạnh vai trò của các tổ chức phi chính phủ và khu vực tư nhân trong khoa học và công nghệ bằng cách đề ra các chính sách ưu đãi cụ thể.</p> <p>Thúc đẩy nghiên cứu và triển khai và sản xuất thuốc điều trị HIV/AIDS và thuốc giúp cai nghiện tại Việt Nam.</p> <p>Nêu cụ thể đối phó với các thách thức về dịch cúm gia cầm như thế nào.</p> <p>Nghiên cứu về sức khoẻ vị thành niên cũng như các bệnh dịch mới ảnh hưởng đến sức khoẻ.</p> <p>Đề nghị bổ sung câu “khuyến khích sinh viên nữ theo học các môn khoa học và công nghệ trước đây được coi là chỉ phù hợp với nam giới”.</p> <p>Huy động người Việt Nam định cư ở nước ngoài đóng góp có hiệu quả vào sự phát triển khoa học và công nghệ trong các lĩnh vực nông nghiệp, phát triển nông thôn và xoá đói giảm nghèo.</p>
7. Tài nguyên, môi trường và phát triển bền vững	<p>Còn thiếu các can thiệp hợp lý để đạt được mục tiêu trong phần này. Cần bổ sung nhiều giải pháp và chính sách cụ thể hơn.</p> <p>Cần thúc đẩy mạnh mẽ các mô hình lâm nghiệp cộng đồng nhằm quản lý bền vững các nguồn tài nguyên.</p> <p>Cần đổi mới công tác qui hoạch tài nguyên, nhất là qui hoạch rừng và đất lâm nghiệp theo hướng đảm bảo hài hoà giữa thực tế sử dụng đất của nông dân vùng cao và yêu cầu bảo vệ rừng.</p> <p>Cần giám sát đánh giá và cải thiện chất lượng trồng rừng.</p> <p>Tập trung đề cập nhiều hơn về mối quan hệ giữa con người và tự nhiên nhằm phát triển bền vững. Cần lồng ghép kiến thức bản địa và luật tục của dân tộc ít người vào các giải pháp, chính sách.</p> <p>Cần tăng cường công tác điều tra cơ bản gắn liền với bổ sung dữ liệu để có thể đánh giá diễn biến và xu hướng phát triển, đặc biệt gắn với các mục tiêu Thiên niên kỷ của Việt Nam (VDGs).</p>
8. Dân số và kế hoạch hóa gia đình.	<p>Đẩy mạnh truyền thông về kế hoạch hoá gia đình cho cả nam giới và phụ nữ, giảm nhẹ gánh nặng của phụ nữ về mặt trách nhiệm trong kế hoạch hoá gia đình.</p> <p>Củng cố mạng lưới bảo trợ xã hội và mở rộng các lưới an sinh xã hội và các dịch vụ xã hội khác để trợ giúp người già là một giải pháp để giảm nghèo và hạ tỷ lệ sinh.</p> <p>Đảm bảo mọi trẻ em được bảo vệ khỏi tệ phân biệt đối xử, chẳng hạn trẻ di cư được tiếp cận công bằng với giáo dục, trẻ em nghèo không bị phân biệt đối xử vì không nộp được các khoản đóng góp cho trường.</p>

<p>9. Lao động, giải quyết việc làm</p>	<p>Cần nhấn mạnh việc bảo vệ quyền của người di cư trên thị trường lao động. Các chính sách về di cư nên phù hợp để thúc đẩy sự phân bố lao động theo nhu cầu giữa các vùng, hỗ trợ người nhập cư nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản và đảm bảo quyền sở hữu tài sản của họ.</p> <p>Chính sách xuất khẩu lao động cần thúc đẩy sự tham gia của người lao động nghèo (ví dụ, loại bỏ mức trần cho vay 80% chi phí đi lao động xuất khẩu).</p> <p>Cần đưa kiến thức phòng chống HIV/AIDS, tự bảo vệ khỏi sự lạm dụng và bóc lột lao động thái quá vào trong các khoá học dành cho người lao động xuất khẩu.</p>
<p>10. Công tác xóa đói giảm nghèo, khuyến khích làm giàu hợp pháp, chính sách với người có công, phát triển mạng lưới an sinh xã hội</p>	
<p>(1) Công tác xóa đói giảm nghèo, khuyến khích làm giàu hợp pháp</p>	<p>Phần này cần được mở rộng đáng kể để phản ánh cam kết cao của Chính phủ về phát triển đem lại lợi ích cho tất cả mọi người trong giai đoạn tới.</p> <p>Không nên coi xóa đói giảm nghèo chỉ như một lĩnh vực riêng với các chương trình mục tiêu. Xóa đói giảm nghèo cần được lồng ghép vào tất cả các chính sách xã hội và chương trình (xuyên suốt toàn bộ bản kế hoạch). Do đó, nên trình bày tác động đến đói nghèo và đề ra các giải pháp có lợi cho người nghèo ở tất cả các ngành, lĩnh vực khác.</p> <p>Cần nhận thức sâu sắc hơn về các thách thức to lớn gắn với việc tăng chuẩn nghèo trong giai đoạn tới. Ở nhiều vùng miền núi dân tộc ít người tỷ lệ hộ nghèo có thể đến 70-80% hoặc hơn. Cần đề ra các chính sách mạnh mẽ để hướng hỗ trợ đến đối tượng thực sự nghèo, điều hành ngân sách minh bạch và hiệu quả, giám sát có hệ thống các chính sách và chương trình có lợi cho người nghèo.</p> <p>Nghèo do nhiều nguyên nhân và đặc thù đối với từng hộ gia đình, từng cộng đồng. Do đó để “xây dựng chương trình xóa đói giảm nghèo sát với điều kiện cụ thể của từng địa phương” giải pháp chính là phân cấp mạnh hơn (kèm theo nâng cao năng lực, theo dõi giám sát) gắn liền với sự tham gia đầy đủ của người dân và cộng đồng vào việc thiết kế, thực hiện và giám sát các giải pháp và chính sách cụ thể.</p> <p>Tất cả các tác nhân kinh tế và xã hội (cả nhà nước và tư nhân) kể cả bản thân người nghèo cần được hỗ trợ để đóng vai trò rõ hơn, mạnh hơn trong xóa đói giảm nghèo.</p> <p>Thuật ngữ “xã hội hoá trong xóa đói giảm nghèo” cần được làm rõ hơn để định hướng cho các giải pháp khả thi.</p> <p>Rơi trở lại vòng nghèo là một tình trạng khá phổ biến ở các vùng sâu vùng xa, vùng miền núi dân tộc ít người (giảm nghèo không bền vững). Cần đưa vào mục tiêu giảm tỷ lệ tái nghèo. Bản kế hoạch này sẽ khả thi hơn nếu có những biện pháp mạnh mẽ về chống tái nghèo. Nhiều chính sách tốt hỗ trợ hộ mới thoát nghèo/cận nghèo trong thiết kế mới của Chương trình xóa đói giảm nghèo và Chương</p>

	<p>trình 135 nên được nêu vắn tắt ở đây.</p> <p>Chênh lệch giàu nghèo (gia tăng khoảng cách giữa các nhóm dân cư) là một vấn đề bức xúc. Mục tiêu và giải pháp cho vấn đề này chưa được đề cập. Cũng nên có các giải pháp tổng thể hỗ trợ nông dân nghèo không có đất sản xuất (nhất là ở vùng đồng bằng sông Cửu long).</p> <p>Việc làm phi nông nghiệp có thể là một giải pháp quan trọng để giảm nghèo. Tuy nhiên thúc đẩy việc làm phi nông nghiệp cần gắn với chính sách hỗ trợ thích hợp cho người di cư dưới nhiều dạng (di cư tạm thời, theo mùa vụ, lâu dài), vì việc làm phi nông nghiệp tại chỗ còn rất hạn chế ở các vùng sâu vùng xa, vùng miền núi.</p> <p>Cần có các giải pháp khả thi để thực hiện chủ trương “khuyến khích những người đã thoát nghèo... giúp những người còn nghèo khác xoá đói, giảm nghèo...” Khuyến khích thúc đẩy các tổ nhóm nông dân tự nguyện tự quản dưới nhiều hình thức và các sáng kiến dựa vào cộng đồng khác ở các thôn làng nông thôn cần là một giải pháp cơ bản.</p>
(2) Chính sách với người có công	<p>Đây là một chính sách tốt. Tuy nhiên nên mở rộng các giải pháp cho các xã “an toàn khu” (căn cứ cách mạng thời kháng chiến) còn nghèo.</p>
(3). Phát triển mạng lưới an sinh xã hội	<p>Nên làm rõ và phân loại các nhóm “người yếu thế, có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn” và người tàn tật để thúc đẩy việc thiết kế các mạng lưới an sinh phù hợp.</p> <p>Phần lớn những người thuộc nhóm nghèo nhất là đối tượng của các chính sách bảo trợ xã hội. Các chính sách bảo trợ xã hội cần được phối hợp với các chính sách hỗ trợ sinh kế để người nghèo có thể tham gia tích cực vào đời sống kinh tế - xã hội tại cộng đồng.</p> <p>Cần thiết kế chương trình quản lý rủi ro đồng bộ cho các vùng hay bị thiên tai để các giải pháp dài hạn và ngắn hạn không mâu thuẫn với nhau.</p> <p>Nên nêu rõ chính sách đẩy mạnh quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng.</p> <p>Nên thúc đẩy khả năng tự lực của người tàn tật bằng cách đảm bảo cơ chế hỗ trợ họ tiếp cận với các cơ hội xã hội và kinh tế, giáo dục, việc làm, giải trí và tham gia xã hội. Cần thiết kế các chính sách và chương trình phù hợp với người tàn tật.</p> <p>Các chính sách hỗ trợ người nhiễm HIV/AIDS nên được mở rộng cho những thành viên trong gia đình chịu ảnh hưởng tiêu cực của căn bệnh này (trẻ mồ côi, cha mẹ già).</p>
11. Công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ nhân dân:	<p>Chính sách “nhà nước mua dịch vụ y tế cho người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi...” rất tốt. Cần giám sát chặt chẽ và khắc phục những hạn chế trong thực hiện các chính sách này ở cả vùng nông thôn và thành thị.</p> <p>Nên ưu tiên đầu tư cho y tế cơ sở, nhất là y tế dự phòng và đào tạo nhân lực.</p> <p>Phát triển một cơ chế hiệu quả để khuyến khích và hỗ trợ các bên liên quan kể cả trong và ngoài nhà nước để phòng chống HIV/AIDS và chăm sóc những người bị nhiễm bệnh.</p>

	<p>Hợp tác với các ngành khác để thúc đẩy kế hoạch hoá gia đình có trách nhiệm (là một vấn đề trong thúc đẩy y tế).</p> <p>Củng cố các biện pháp kiểm soát thuốc lá (bao gồm việc thực hiện Công ước chung về kiểm soát thuốc lá của Tổ chức y tế thế giới), giảm tỷ lệ hút thuốc đặc biệt trong thanh niên.</p> <p>Nên cụ thể hơn về phòng chống dịch bệnh cúm gia cầm.</p>
12. Phát triển văn hoá, thông tin - nền tảng tinh thần của xã hội.	
13. Phát triển thể dục, thể thao.	
14. Nâng cao đời sống đồng bào các dân tộc ít người	<p>Các ưu đãi và chính sách hỗ trợ rất hữu ích. Cần đưa ra các mục tiêu cụ thể cho nhóm dân tộc ít người, nhất là các mục tiêu giảm nghèo, giảm chênh lệch mức sống và giảm rủi ro.</p> <p>Cần thấy rõ phát triển dân tộc ít người là một vấn đề liên ngành, do đó trong phát triển nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ (ví dụ, du lịch dựa vào cộng đồng) cần lồng ghép các biện pháp đem lại lợi ích cho người dân tộc ít người tại địa phương.</p> <p>Nên trình bày cụ thể ở phần này các giải pháp nhằm thiết kế và thực hiện tốt hơn Chương trình 135 trong giai đoạn tới.</p> <p>Tiếp tục mở rộng các cơ hội học tập cho các nhóm dân tộc ít người bao gồm cả việc học tập bằng ngôn ngữ riêng của họ.</p> <p>Các sáng kiến dựa vào cộng đồng để phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc ít người (vd, quản lý nguồn tài nguyên đất, rừng, tài nguyên nước) nên phát huy đầy đủ các yếu tố tích cực trong tập quán truyền thống và luật tục của họ.</p> <p>Phát triển mạnh các mô hình cung cấp dịch vụ hiệu quả (khuyến nông, cung cấp đầu vào, tiếp cận thị trường...) đến từng thôn bản dân tộc ít người phù hợp với điều kiện đặc thù của từng địa bàn.</p> <p>Nên quan tâm và nỗ lực hơn trong việc gìn giữ và phát triển kiến thức và giống cây con bản địa, đặc biệt ở các vùng miền núi để gia tăng giá trị và đảm bảo tính cạnh tranh của các sản phẩm của đồng bào dân tộc ít người.</p> <p>Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của các nhóm dân tộc ít người bao gồm cả các kiến thức và sản phẩm bản địa.</p> <p>Cần đổi mới cơ bản chính sách trợ cấp trợ giá cho người nghèo và cho các cộng đồng nghèo dân tộc ít người theo hướng đảm bảo cho họ nhận biết được và tự do lựa chọn dịch vụ, và để tránh tâm lý ỷ lại.</p> <p>Cần cụ thể hơn về việc đảm bảo điều kiện vật chất để các xã/thôn bản tiếp cận thị trường tốt hơn và tạo ra các kênh thông tin thị trường đa dạng, cập nhật mà nông dân dân tộc ít người có thể sử dụng hiệu quả.</p>
15. Thực hiện chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng	
16. Thực hiện bình đẳng về	Các chính sách hỗ trợ bình đẳng giới rất hữu ích. Cần có các mục

giới, nâng cao vị thế của phụ nữ và bảo vệ quyền lợi của trẻ em	<p>tiêu cụ thể hơn xuyên suốt bản kế hoạch, gắn với các mục tiêu Thiên niên kỷ của Việt Nam - VDGs (vd: nêu rõ chỉ tiêu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cả hai vợ chồng). Cần nêu rõ cam kết thu thập và phản hồi các số liệu có phân tách giới trong tất cả các ngành, lĩnh vực.</p> <p>Đưa giới vào chương trình học trong trường trung học.</p> <p>Thay đổi cơ quan lãnh đạo thực hiện chương trình bình đẳng giới (lãnh đạo cao nhất, chứ không chỉ là Hội Phụ nữ). Cần tiến hành các khoá tập huấn giới có tác dụng thiết thực với tất cả các nhóm, và cần bắt đầu ngay từ nhóm lãnh đạo (nam giới) ở tất cả các cấp.</p> <p>Nên xem xét hoàn thiện khuôn khổ pháp luật về bình đẳng giới (vd: soạn thảo Luật bình đẳng Giới).</p>
-	<p>Trẻ em chiếm trên 30% dân số, trẻ em có những quyền riêng và cần có các biện pháp chính sách đồng bộ có tính đặc thù, do đó nên xem xét đưa “phát triển trẻ em” thành một phần hoặc tiểu phần riêng trong bản kế hoạch.</p> <p>Cần củng cố mối quan hệ phối kết hợp giữa các cơ quan nhà nước liên quan đến bảo vệ quyền trẻ em; đảm bảo các dịch vụ xã hội đến được nhóm trẻ trong các gia đình di cư; triển khai hành động để thực hiện các khuyến nghị đã nêu trong tuyên bố của Ủy ban liên hiệp quốc về Công ước bảo vệ quyền trẻ em.</p>
-	<p>Tương tự, người tàn tật chiếm khoảng 6% dân số, người tàn tật có những quyền riêng và cần có các biện pháp chính sách đồng bộ có tính đặc thù, do đó nên xem xét đưa “người tàn tật” thành một phần hoặc tiểu phần riêng trong bản kế hoạch.</p> <p>Cần củng cố sự hoà nhập của trẻ em khuyết tật vào cộng đồng bằng cách cung cấp các kỹ năng cho bố mẹ, giáo viên và nhân viên xã hội khi làm việc với trẻ em khuyết tật. Phát hiện sớm và có biện pháp hỗ trợ kịp thời đối với trẻ khuyết tật.</p>
17. Phát triển thanh niên Việt Nam	
18. Phòng, chống các tệ nạn xã hội	<p>Ban hành các chính sách khuyến khích và hỗ trợ cộng đồng địa phương chăm sóc trẻ bị nhiễm HIV/AIDS ngay tại gia đình. Thực hiện công tác truyền thông tốt hơn để ngăn ngừa sự phân biệt đối xử với trẻ nhiễm HIV/AIDS trong các hoạt động công cộng, vui chơi với các trẻ khác trong cộng đồng.</p>
19. Tăng cường tiềm lực quốc phòng an ninh kết hợp với phát triển kinh tế - xã hội	<p>Cũng nên bổ sung mục tiêu cụ thể và chính sách hạn chế tai nạn giao thông.</p>
V. Định hướng phát triển vùng lãnh thổ 5 năm 2006-2010.	<p>Các định hướng phát triển vùng rất hữu ích. Tuy nhiên cần nêu rõ cơ chế, hướng dẫn thực hiện cụ thể những định hướng hoặc kế hoạch đã đề ra, để những định hướng và kế hoạch có tính khả thi hơn.</p> <p>Cần củng cố định hướng cụ thể hơn trong mỗi vùng về cách thức tăng thu nhập người dân và đạt được mục tiêu giảm nghèo (nên bổ sung thêm các mục tiêu giảm chênh lệch mức sống và giảm rủi ro); và cũng cần nêu các chính sách để thực hiện được các mục tiêu đề ra.</p>
1. Vùng Trung du miền núi Bắc bộ	<p>An ninh lương thực cần là một ưu tiên quan trọng của vùng Trung du miền núi phía Bắc (do tỷ lệ nghèo lương thực ở vùng này cao).</p> <p>Cần nhấn mạnh mối quan hệ thiết yếu giữ phát triển du lịch nội địa</p>

	<p>và phát triển kinh tế địa phương, xoá đói giảm nghèo, bảo tồn các giá trị văn hoá và tài nguyên thiên nhiên - nhất là ở vùng đồng bào dân tộc ít người.</p>
2. Vùng Đồng bằng sông Hồng và vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ	<p>Đặc trưng của vùng đồng bằng sông Hồng là mật độ dân cư cao. Cần nhấn mạnh tạo việc làm (nghề thủ công, công nghiệp sử dụng nhiều lao động, doanh nghiệp hộ gia đình, qui mô nhỏ ở nông thôn) là một ưu tiên quan trọng trong kế hoạch phát triển kinh tế xã hội.</p>
3. Vùng bắc Trung bộ, Duyên hải miền Trung	<p>Xây dựng và thực hiện chương trình quản lý rủi ro đồng bộ cho các vùng hay bị thiên tai cần là một ưu tiên quan trọng nhằm xoá đói giảm nghèo trong vùng.</p>
4. Vùng Tây Nguyên	<p>Dự thảo hiện nay nhấn mạnh mục tiêu “phát triển năng động” (bằng cách phát huy tiềm năng lợi thế, vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên) của vùng Tây Nguyên nhưng chỉ đặt mục tiêu “từng bước” cải thiện nâng cao đời sống nhân dân, đặc biệt là đồng bào các dân tộc vùng sâu, vùng xa. Nên sửa đổi theo hướng đặt ra các mục tiêu cơ bản về xoá đói giảm nghèo và bảo vệ môi trường thông qua quản lý hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên.</p>
5. Vùng Đông Nam Bộ	<p>Phát triển xã hội ở vùng Đông Nam Bộ nên quan tâm đến các phúc lợi xã hội cho công nhân nhập cư và con cái của họ. Cần đảm bảo trẻ nhập cư được đối xử ngang bằng như trẻ đã đăng ký là người dân sở tại.</p>
6. Vùng Đồng bằng sông Cửu Long	<p>Nên đề cập đến vai trò của quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long.</p> <p>Hỗ trợ hiệu quả cho nhóm nông dân không có đất sản xuất cần là một ưu tiên trong phát triển vùng.</p>
7. Phát triển kinh tế biển	
V. Kế hoạch huy động nguồn lực, định hướng đầu tư toàn xã hội và xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội	<p>Ưu tiên đầu tư trong phần này cần phản ánh các chính sách, giải pháp đã nêu ở các phần trước. Ví dụ, đầu tư về các dịch vụ xã hội cho trẻ cần chăm sóc đặc biệt (trẻ tàn tật, nạn nhân của ngược đãi trẻ, nạn nhân của căn bệnh HIV/AIDS) không được nêu trong phần định hướng đầu tư; trong khi đó đây là nội dung quan trọng của Luật chăm sóc và bảo vệ trẻ em (2004)... , hoặc đầu tư cho giáo dục tiền học đường ở các xã khó khăn cũng không được nhắc đến.</p>
VI. Xây dựng quan hệ sản xuất mới, phát triển các loại hình doanh nghiệp.	
VII. Chính sách tài chính, tiền tệ, ổn định và cải thiện kinh tế vĩ mô và môi trường kinh doanh	
VIII. Xây dựng đồng bộ và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa	
	<p>Rất hoan nghênh đoạn cuối cùng của bản kế hoạch đề cập đến “Khuyến khích các tổ chức đoàn thể, xã hội tham gia quản lý một số lĩnh vực công: thu hút và khuyến khích sự tham gia của các tổ chức đoàn thể, tổ chức xã hội và tổ chức phi chính phủ...” Sẽ có ích hơn nếu trong kế hoạch đưa ra cam kết và lộ trình cụ thể xây dựng một khuôn khổ pháp lý cho các tổ chức phi chính phủ Việt Nam.</p> <p>Bản kế hoạch nên nêu rõ: tạo cơ hội công bằng cho các tổ chức tham gia quản lý một số lĩnh vực công; tạo môi trường thuận lợi từ cấp cơ sở và các bộ ngành liên quan kèm theo hướng dẫn cụ thể; xây dựng kế hoạch tăng cường nhận thức của các cơ quan và người dân địa phương về các tổ chức phi chính phủ thông qua thông tin đại chúng và công việc thực tế; khuyến khích các tổ chức xã hội, đoàn thể và cộng đồng tham gia vào giám sát và đánh giá các việc công.</p>

Phụ lục 1: Danh sách các tổ chức phi chính phủ nước ngoài đóng góp ý kiến cho Dự thảo Kế hoạch

Văn bản này là tổng hợp tất cả các ý kiến đóng góp của các tổ chức phi chính phủ có tên dưới đây. Đó là những ý kiến thu thập từ cuộc họp tham vấn ngày 25 tháng 8 năm 2005 cũng như các góp ý gửi trực tiếp tới trung tâm Trung tâm dữ liệu các tổ chức phi chính phủ (VUFO-NGO Resource Centre).

Trung tâm dữ liệu Các tổ chức Phi chính phủ chịu trách nhiệm tóm tắt các ý kiến phản hồi trên.

(danh sách các tổ chức đóng góp ý kiến cho dự thảo kế hoạch)

ActionAid (AAV)
Adventist Development and Relief Agency in Vietnam (ADRA)
Association of Medical Doctors of Asia - Viet Nam (AMDA)
Australian Foundation for the Peoples of Asia and the Pacific (AFAP)
CARE International in Viet Nam
Caritas Switzerland
Catholic Relief Services (CRS)
Compassion International
Cooperation International pour le Developpement et la Solidaritie (CIDSE)
Cooperazione e Sviluppo (CESVI)
Enfants et Developpement (EeD)
Friedrich-Ebert-Stiftung (FES)
Handicap International (HI)
Health Volunteers Overseas (HVO)
Helvetas - Swiss Association for International Cooperation
Ipas Organisation (IPAS)
Konrad-Adenauer-Stiftung (KAS)
Landmine Survivor Network (LSN)
Oxfam Great Britain
Oxfam Hong Kong
Oxfam Quebec
Oxfam Solidarity Belgium
Pathfinder International
Plan in Viet Nam (Plan)
Program for Appropriate Technology in Health (PATH)
Save the Children Sweden
Save the Children UK
Save the Children US
SNV Netherlands Development Organisation (SNV)
Vietnam Assistance for the Handicapped (VNAH)
Vietnam Veterans of America Foundation (VVAF)
Voluntary Service Overseas (VSO)
Vredeseilanden (VECO)
World Vision International